

Mật Tạng Bộ 3 _ No.1087 (Tr.211 _ Tr.215)

QUÁN TỰ TẠI NHƯ Ý LUÂN BỒ TÁT DU GIÀ PHÁP YẾU _MỘT QUYỂN_

Hán dịch: Đại Đường, nước Thiên Trúc Tam Tạng KIM CƯƠNG TRÍ dịch
Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

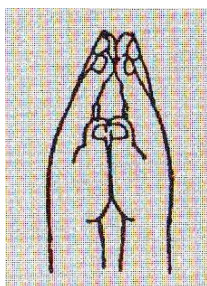
Nay Ta thuận DU GIÀ
KIM CƯƠNG ĐỈNH KINH nói
MA NI LIÊN HOA BỘ
NHƯ Ý NIỆM TỤNG PHÁP
Vì tu **Tam Muội** (Samàdhi) này
Hay như **Quán Tự Tại** (Avalokite'svara)

Trước tiên chọn đệ tử
Thuộc **Tộc Tính** (Kula) kính **Pháp** (Dharma)
Được nhiều người yêu kính
Có Trí Tuệ, dũng tiến
Quyết định **Tỳ lý gia** (Virya_ Tinh tiến)
Thường chẳng bỏ Giác Tuệ
Hiếu thuận với cha mẹ
Tĩnh tín nơi **Tam Bảo** (Tri-ratna)
Vui tu **hạnh Bồ Đề** (Bidhi-caryà)
Nơi bốn Tâm Vô lượng
Sát na không gián đoạn
Thường vui **Pháp Đại Thừa** (Mahà-yàna-dharma)
Trụ ở Bồ Tát Giới
Cúng kính **A Xà Lê** (Àcàrye)
Tất cả bậc **Thánh Giả** (Àrya)
Thành tựu sức kiên cố
Dũng mãnh của **trượng phu** (Puruṣa)
Khéo thông Môn Tương Ứng
Thường vui hạnh Tịch Tĩnh
Trí Tuệ không sợ hãi
Đem **giới luật** (Vinaya) nghiêm thân
Tinh tu **Bí Mật Thừa** (Guhya-yàna)
Kính y **Lý Thú Đạo** (Naya-pàtha)
Một lòng không chỗ khác
Thường vui nghe **Diệu Pháp** (Saddharma)
Từng vào **Tam Muội Gia** (Samaya)

Theo Thầy được **Quán đĩnh** (Abhiṣeka)

Được việc ẩn khả xong
Chẳng bao lâu sẽ thành tựu
Đệ Tử đủ tướng này
Mới có thể truyền thụ
Đây tức Báu Như Ý
Hay thành các sự nghiệp

Như Kinh nói xứ sở
Sườn núi với dòng sông
A Lan Nhã (Araṇya) thanh tịnh
Khe, cốc tùy ý thích
Lìa các nạn nguy sợ
Tùy khả năng cúng dường
Hành Nhân hướng phương Tây
Mạn Đề Tự Tại Vương
Tiếp, lễ Phật phương khác
Cúi năm vóc sát đất
Như **Giáo** mà kính lễ
Quy hai gối, thẳng lưng
Chắp tay, giữa trống rỗng



Thành tâm bày tỏ hết
Con từ đời vô thủy
Lưu chuyển trong sinh tử
Nay đối Đại Thánh Tôn
Hết lòng xin **Sám hối**
Như Phật trước đã Sám
Nay con cũng như vậy
Nguyện rũ sức gia trì
Chúng sinh đều thanh tịnh
Do Đại nguyện này nên
Ta người (Tự Tha) được **Vô Cấu** (không có dơ bẩn)
Mật Ngôn là:

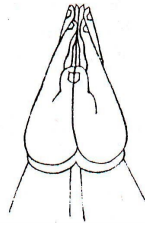
Án - Toa phộc bà phộc, thâu đà – tát bà đạt ma toa phộc bà phộc, thâu đô

– **Hàm**

ॐ स्वभवा सुद्धा सर्वा धर्मा स्वभवा
ॐ OM SVABHÀVA ‘SUDDHA SARVA DHARMA SVABHÀVA
‘SUDDHA UHAM

Hành Giả tiếp nên **tùy hỷ** nơi gom chứa Phước Trí của tất cả Chư Phật Bồ Tát
Tất cả Phật ba đời
Bồ Tát và Thánh chúng
Đã gom chứa căn lành
Chấp tay **tùy hỷ** hết
Như thân ta gom chứa
Vui vẻ không có khác

Tiếp, nên quỳ gối bên phải sát đất, chấp tay Phù Dung đặt trên đỉnh đầu, tưởng lễ dưới chân tất cả Như Lai với Bồ Tát.



Mật Ngôn là:

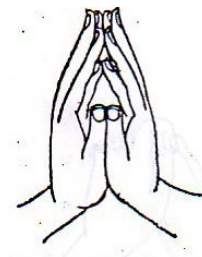
Án – Bát đầu ma – Vi

ॐ पद्म वि

ॐ OM PADMA VIH

Lễ Chư Phật xong, tùy ý ngồi theo thể Toàn già, Bán già hoặc Luân Vương già.

Tác Tọa Ấn này xong
Quán Phật khắp hư không
Tự thân đều ở trước
Trụ chúng Thánh hội kia
Chỉ Quán (2 bàn tay) từ trên gối
Xoay múa hợp ngang tim
Như hoa sen chưa nở



Tưởng lễ nơi Chư Phật

Tiếp, kết Tam Muội Gia

Buộc bên chặc ngang tim
Dựng Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái)
Kim Cương Liên Hoa Ấn



Thông bậc cầm hoa sen
Cảnh giác chúng Thánh xong
Tụng Mật Ngôn này là:
Án – Bát nhật la bát đầu-ma tam ma gia, tát-đát-noan

ॐ वज्र पद्म समय च्छ

ॐ OM VAJRA PADMA SAMAYA STVAM

Do kết Ấn này nên

Phật với **Thiện Thệ Tử** (Sugata-putra: Con của đấng Thiện Thệ)

Các bậc **Đại danh xưng** (Mahà-ya'sa)

Diệu quán sát nhiếp thọ

Nhớ lại Thệ Nguyện xưa

Đối trước **BIỂN CHIẾU TÔN** (Vairocana-nàtha)

Chẳng dám ngược Giáo Lệnh

Gia trì khiến viên mãn

Tiếp, kết **NHẤT THIẾT CHƯ PHẬT NHƯ LAI AN LẠC DUYỆT Ý HOAN HỖ TAM MUỘI GIA ẤN**

Buộc mười ngón bên chặc

Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) hợp giao giữa

Đàn Tuệ (2 ngón út) và Thiên Trí (2 ngón cái)

Đều hợp nhau dựng đứng



Mật Ngôn là:

Án – Tam ma gia, hô, Tô la đá, Tát-đát-noan

ॐ समय ः सुरा च्छ

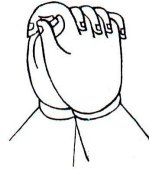
ॐ OM SAMAYA HOH SURATA STVAM

Do kết Ấn ấy nên

Chư Phật và Bồ Tát

Tất cả **Chấp Kim Cương** (Vajra-dhàra)
Thấy đều rất vui vẻ

Tiếp, nên mở cửa tâm
Vào chữ **Kim Cương Trí** (Vajra-jñàna)
Quán ở trên hai vú
Phải: ĐÁT LA (𑖔 - TRÀ) Trái: TRA (𑖔- 𑖔)
Như cánh cửa Cung Thất
Kim Cương Phộc thù thắng



Ba nghiệp đồng thời phát
Vỗ tim mở hai chữ
Mật Ngôn là:
Án – Bạt nhật la mãn đà đát la tra
𑖔 𑖔𑖔𑖔𑖔 𑖔𑖔
𑖔 OM VAJRA BANDHA TRÀṬ

Ướm hạt từ Vô thủy
Gom chứa bao trần lao
Nay dùng **Triệu Tội Ấn**
Gom lại đập nát hết
Buộc mười ngón bền chắc
Duỗi Nhãn Nguyệt (2 ngón giữa) như Kim
Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) như Câu (móc câu)



Tâm tưởng triệu các tội
Tưởng dạng mọi tội ấy
Lộ hình đen như tóc
Ngược ấn khắc nơi tim
Chạm xong, tụng Mật ngữ
Tương ứng với ba nghiệp
Hay triệu các tội chừa
Tụng **triệu tập** này xong
Mới làm Pháp Tội phá
Mật Ngôn là:

Án – Tát bà bá ba ca lý sái noa, vĩ thâu đà ná, tam ma gia, bạt nhật-la, Hồng nược

ॐ सर्वं पपक्षयम् (सर्वद्वय समय वज्र ह्रूं ह्रूं)

OM SARVA PÀPA AKARŞAYA VI'SODHANA SAMAYA VAJRA HÙM JAḤ

Triệu vào bàn tay xong
Mới làm Pháp Tội phá
Ấn trước cùng cài trong
Xưng **Hàm** (ॐ- HÙM) cột các tội
Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) cùng duỗi thẳng
Có chữ ĐÁT LA TRA (वज्र - TRẬT)



Tưởng làm chày Kim Cương
Cùng võ như phá núi
Phần cú và nộ hình
Hay tĩnh các nẻo ác
Tụng xong, Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) võ
Hai mươi mốt (21) tùy **Nghi** (nghi tắc)
Mật Ngôn là:

Án – Bạt nhật la bá ni vĩ toa phổ tra dã – Tát đá bá da mãn đà ná nễ bát-la mẫu cật-sái dã – Tát bà bá dã nghiệt để tỳ-dược - Tát bà đát mạn – Tát bà đát tha nghiệt da ,bạt nhật-la tam ma gia – Hồng đát-la Tra

ॐ वज्रपम् (वज्रपयम् सर्वं पपक्षयम् समय वज्र ह्रूं ह्रूं) ॐ सर्वं पपक्षयम् (सर्वद्वय समय वज्र ह्रूं ह्रूं)

OM VAJRAPÀNI VISPHOTAYA SARVA PÀYA BANDHANÀNI PRAMOKŞAYA - SARVA PÀPAYA GATEBHYAḤ - SARVA SATVA MÀM - SARVA TATHÀGATA VAJRA SAMAYA HÙM TRÀṬ

Dùng Môn tương ứng này
Phật xưa phương tiện nói
Ba nghiệp gom chứa tội
Vô lượng chương cực nặng
Làm tội diệt này xong
Như lửa đốt cỏ khô
Hữu tình thương ngu mê
Chẳng biết lý thú này
Vì Như Lai Đại Bi
Mở môn Bí diệu này

Tiếp, nên kết **Nhập ấn**

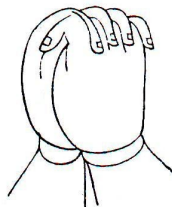
Trong chữ **Như Lai Trí** (Tathàgata-jñàna)

Hai tay buộc bên chắc

Thiền Trí (2 ngón cái) vào ở trong

Dem hai độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)

Vịn nhau như cái vòng



Quán sen tám cánh trước

Trên đó đặt chữ **A** (ॐ)

Vì hai điểm nghiêm sức

Chữ diệu mới là **Ác** (ॐ AH)

Màu trắng như Kha Tuyết

Phóng tỏa ngàn hào quang

Tưởng dùng chi Tiến Lực (2 ngón trỏ)

Niệm chữ an trong tim

Ba nghiệp đều vận dụng

Tụng Mật Ngôn này là:

Án – Bạt nhật la , phế xá , Ác

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ OM VAJRA AVI'SA AH

Đã tưởng vào trong tim

Tướng chữ vượt quang diệu

Đây tức Pháp Giới Thể

Hành giả nên quán thấy

Chẳng lâu ngộ Tịch Tĩnh

Pháp vốn chẳng hề sinh

Các Như Lai ba đời

Thân Khẩu Ý Kim Cương

Đều dùng phương tiện diệu

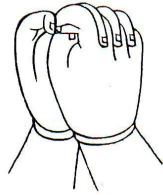
Giữ tại Kim Cương Quyển

Dùng dây đóng cửa tâm

Chữ Trí được bền chắc

Liên co độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)

Trú ở lưng Thiền Trí (2 ngón cái)



Dem Ấn chạm ức ngực
 Liên tụng **Diệu ngôn** này
Ấn – Bạt nhật-la mẫu sắt trí Hàm
 ॐ वज्रमुष्टि व
 ॐ OM VAJRA MUṢṬI VAM

Hành Giả trụ **Đẳng dẫn** (Samàhita)
 Hai tay buộc bền chắc
 Ngửa đặt ở dưới rốn
 Thiền Trí (2 ngón cái) hình cánh sen
 Đây gọi **Tam Muội Ấn** (Samàdhi-mudra)



Tụng Mật Ngôn này là:
Ấn - Tam ma địa Bát đầu-mê hột-ly
 ॐ समधे पद्मे ह्रीं
 ॐ OM SAMÀDHI PADME HRÌH

Thở ra và thở vô
 Trú A NA BA NA (Anapanna)
 Tưởng Phật khắp Hư không
 Búng tay cảnh giác Ta
Phật Tử (Buddha-putra) ! **Người làm sao**
Thành Vô thượng đẳng giác
Chẳng biết các Như Lai
Diệu Pháp của thật tướng
 Đã nghe cảnh giác xong
 Hành giả lại bạch rằng
“Thế nào là chân thật?
Nguyện TỐI THẮNG TÔN nói”
 Chư Phật đều vui vẻ
 Tác Thắng Ngôn như vậy:
“Lành thay! Ma Ha Tát (Mahàsatva)
Hay tác hỏi như vậy
Người tướng ở trong Tim
Có chứa Ác Tự Môn (𑖀_AH)
Dùng chữ thấu suốt Tâm

Tụng Mật Ngôn này là:

Án – Chỉ đa bát-la để Vị năng Ca lộ nhĩ

ॐ (ॐ) ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ OM CITTA PRATIVEDHAM KARA UMI

Nên tụng thầm một biến

Liên tưởng làm vành trăng

Muốn tinh tiến gấp bội

Lại tụng Diệu Ngôn là:

Án – mẫu đề chỉ đa mẫu đất bả na dạ nhĩ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ OM BODHICITTAM UTPÀDA YÀMI

Hay khiến vành trăng tim

Viên mãn rất thanh tịnh

Giữa tưởng Hoa sen diệu

Trên đặt Kim Cương báu

Mật Ngôn là:

Án – Để sát xá ma ni bát nhật-la bát đầu-ma

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ OM TIṢṬA MAṆIVAJRA PADMA

Dẫn ngang bằng Hư không

Vòng khắp ở Tam Giới (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới)

Lại tụng Diệu Ngôn này

KIM CƯƠNG NGŨ lìa tiếng

Án – Tát-pha la ma ni bát nhật la bát đầu-ma

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ OM SPHARA MAṆIVAJRA PADMA

Ở đây dẫn sen đẹp

Phóng tỏa ngàn ánh lửa

Trong mỗi một ánh sáng

Vô lượng Sát Thổ Phật

Trong sát (cõi) có sen đẹp

Tưởng Bạc cầm sen báu

Cầm sen báu, phương thẳng

Trong phương tuôn diệu thanh (Tiếng vi diệu)

Ai có phần Phước mỏng

Sẽ mãn tất cả nguyện

Trụ TỊCH TAM MUỘI đấy

Làm lợi các Hữu tình

Loại Bồ Tát như vậy

Đều trụ ở **Đẳng dẫn**
Từ **LIÊN HOA THAI TẠNG** (Padma-garbha)
Phóng ngàn hào quang diệu
Đều làm lợi chúng sinh
Nhóm **ĐÀN BA LA MẬT** (Dànapàramitā:Bố Thí Ba La Mật)
Vào khắp các Tam Muội
LÝ THỨ THIÊN XẢO MÔN
Vì thương xót Hữu tình
Tác vô lượng phương tiện
Từ sinh đến Niết Bàn
Chuyển **ĐẠI DIỆU PHÁP LUÂN** (Mahà Sudharma-cakra)
Đều theo **Ý BẢO** (Báu Như Ý) ra
Diệu Pháp đã được nói
Đều dùng **LUÂN THÀNH TỰU** (Cakra-siddhi)
Dùng **LUÂN** làm **DIỆU TRÍ**
Hay chặt các **KIỆT SỬ**
Do chuyển Diệu Pháp luân
Đây là đường Phước trí

Tiếp, đều chính quán sát
Dần thâm sen Trí ấy
Mật Ngôn là:
Án – Tạng ha la ma ni, bạt nhật-la, bát đầu-ma
ॐ ह्रीं [मन्त्रस्य चक्र]
ॐ OM SAṂHARA MAṆIVAJRA PADMA
Các Như Lai sở tại
Đều vào làm một thể
Giống như ở gương sáng
Đều hiện nơi vạn tượng
PHÁP GIỚI TỰ TÍNH THỂ
Trú ở sen Kim Cương
Liên biến sen báu ấy
Làm **CHÂN ĐA BỒ TÁT** (Cintā-maṇi-bodhisatva)
Tay cầm báu Như Ý
Thân sáu tay màu vàng
Đều tướng ở Tự thân
ĐỈNH kế báu trang nghiêm
Mão có **TỰ TẠI VƯƠNG** (Loke'svara Ràja)
Trụ ở tướng Thuyết Pháp
Tay thứ nhất: suy tư
Thương nhớ các Hữu tình
Thứ hai cầm **Ý BẢO** (Báu Như Ý)
Hay mãn tất cả nguyện

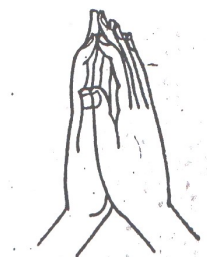
Thứ ba, cầm tràng hạt
 Vì cứu khổ Bàng sinh
 Trái (Tay thứ nhất bên trái) đè núi Quang Minh
 Thành tựu không lay động
 Thứ hai, tay cầm sen
 Hay tĩnh các **Phi Pháp**
 Thứ ba, tay cầm Luân (bánh xe)
 Hay chuyển Pháp Vô Thượng
 Sáu tay: QUẢNG BÁC THỂ (Thể rộng lớn)
 Hay đạo chơi sáu nẻo
 Dùng **phương tiện Đại Bi** (Mahà-kàruṇa-upàya)
 Chặt các khổ Hữu tình
 Hành Giả quán như vậy
 Ngồi ở trong vành trăng
 Thân tuôn ngàn hào quang
 Đỉnh, lưng: hào quang tròn
 Lại tưởng vành trăng tím
 Cũng có hoa sen báu
 Dùng đấy hay kiên cố
 Không động quán thân mình
 Vì lia các vọng tưởng
 Tụng Mật Ngôn này là:

**Án – Nật-lý trà để sắt xá la đất na bạt nhật-la bát đầu-ma đất ma cú hàm,
 tam ma dụ hàm, ma ha Tam ma dụ hàm – Tát bà đất tha nghiệt đa tỳ Tam bồ
 địa la đất ná bạt nhật-la bát đầu-ma đất ma cú hàm**

ॐ ह्रीं शिखरिणी ॥ वृ वज्र पद्म मय्यत्कं सम्यत्कं मन्त्रमयत्कं मन्त्रं ॥
 एतन्मन्त्रं ॥ वृ वज्र पद्म मय्यत्कं

ॐ OM DR̥DHA TIṢṬA RATNA VAJRA PADMA ATMAKA UHAM
 SAMAYA UHAM MAHÀ SAMAYA UHAM - SARVA TATHÀGATA
 ABHISAMBODHI RATNA VAJRA PADMA ATMAKA UHAM

Dùng Pháp này gia trì
 Mười độ hợp PHÙ DUNG
 Co Tiến Lực (2 ngón trở) như báu

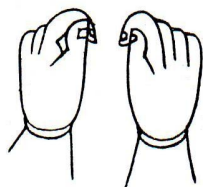


Ấn: tim, trán, họng, đỉnh
 Tưởng chữ HỒNG (हं _ HŪM) ở tim
 ĐÁT LA (श्रः _ TRÀḤ) an ở trán
 HỘT-LÝ (ह्रीः _ HRÌḤ) trên cổ họng

Để chữ Ác (𑖀 - AH) ở đỉnh
Do đặt bày tướng này
Thân này như Kim Cương
Lại tụng Mật ngôn này
LIÊN HOA NGŨ làm tiếng
Án - La đát ná bạt nhật-la đát ma, Hột-ly
ॐ [ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ]
☞ OM - RATNA-VAJRA DHARMA HRÌH

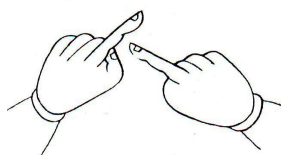
Tiếp, nên kết QUÁN ĐỈNH
Bậc Trí hợp LIÊN CHUỖNG
Tiến Lực (2 ngón trỏ) như hình bấu
Đàn Tuệ (2 ngón út) mở gần nhau
Đặt trán tụng Mật Ngôn
Tâm tưởng Phật quán đỉnh
**Án - Bát đầu ma bạt cú chi đa chi, la đát na bát đầu-ma tỵ sái kế la tỵ sần
giả Hàm, đát lạc**
ॐ [ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ]
☞ OM - PADMA BHRĀKŪṬĪ TĀRE RATNAPADMA ABHIṢAIKĀYA
ABHIṢIMCA MĀM - TRĀH

Liên dùng Diệu Ấn này
Hai tay chia hai bên
Như buộc vòng hoa sen



Từ từ hạ xuống buông
Tưởng thế rũ giải lụa
Tụng Diệu Ngôn này là
Án - Bát đầu ma, ma lệ, Hàm, Hột lý, đát lạc
ॐ [ॐ ॐ ॐ ॐ]
☞ OM PADMA MĀLE MĀM - HRÌH TRĀH

Tiếp, nên kết GIÁP KHẢI (Ao giáp)
Hai tay Liên Hoa Quyển (Padma-muṣṭi)



Từ tim ràng đến lưng

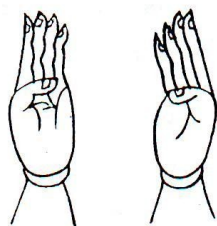
Từ lưng ràng ngay rốn
 Hưởng eo với hai gối
 Lên dần ràng sau nã
 Từ sau cổ, ngang họng
 Lại ràng ở sau cổ
 Quay lại đến trên trán
 Lui về sau đỉnh ràng
 Dần dần hạ xuống bụng
 Tụng Bí Mật Ngôn này:

**Án – A bà duệ bát đầu ma, ca phộc chế, mẫn đà, la cật-sái, hàm, HỒng
 hàm**

ॐ ऋभयपद्मे कवच बन्धा रक्ष मम ह्रमं

☞ OM ABHAYE PADME KAVACE BANDHA RAKṢA MAM _ HUM
 HAM

Vì làm vui Chư Phật
 Nên vỗ **LIÊN HOA ÁN** (Padma-mudra)
 Hai tay kết **LIÊN CHUỖNG**
 Khéo vỗ khiến vui vẻ



Mật Ngôn là:

Án – Bát đầu-ma đồ sử ,hồ

ॐ पद्मे तुष्य हः

☞ OM PADMA TUṢYA HOḥ

Tưởng ở trước thân mình
 Quán **HỘT LÝ** Tự Môn (ॐ)
 Biến thành **LIÊN HOA VƯƠNG** (Padma-ràja)
 Giữa có chữ **HỘT LÝ** (ॐ _ HRÌH)
ĐÁT LA (ॐ _ TRA) an hai bên
 Làm Kim Cương bảo liên (sen báu Kim Cương)
 Cộng biến làm sở Tôn
 Cầm báu Diệu Chân Đa
 Như trước Quán thân mình
 Nay **SỞ QUÁN** cũng vậy
 Vì khiến **THỂ** không hai
 Tiếp, tác Pháp **HỒ TRIỆU**
 Mười độ (10 ngón tay), sen chưa nở

Tiến Lực (2 ngón trở) như móc câu



Liên tụng Mật Ngữ này

Nên làm LIÊN HOA ÂM (Padma-svara)

Án – Bát đầu-ma chỉ-nhạ na năng cú xã hồng

ॐ पद्मकुंभं त्रिशूलं ॐ

ॐ OM PADMA JÑANA AMKU'SA HUM

Hành Giả đã triệu xong

Tiếp nên kết **Sách Ấn**

Như trước hợp LIÊN CHUỖNG

Tiến Lực (2 ngón trở) vịn như vòng

Đây tên: LIÊN HOA SÁCH (Padma-pà'sa)



Hay mãi các ý nguyện

Nên tụng Mật Ngữ này

Triệu vào ở TRÍ THÂN

Án – Bát đầu-ma chỉ-nhạ na , mẫu già bả xã, Hồng

ॐ पद्मकुंभं त्रिशूलं ॐ

ॐ OM PADMA JÑANA AMOGHAPÀ 'SA HUM

Đã vào ở Trí Thân

Vì khiến không lay động

Lại nên kết LIÊN TỎA (Padma-Sphota)

Nên tác tâm quyết định

Như trước hợp Liên Chưởng

Tiến (ngón trở phải) Thiền (ngón cái phải) vịn như vòng

Lực (ngón trở trái) Trí (ngón cái trái) cũng như vậy

Cùng kết như Câu Tỏa (móc khóa)



Án – Bát đầu-ma chỉ-nhạ na, tác-bố tra, Hồng

ॐ पद्मज्जना स्फोटा हुं
ॐ OM PADMA JÑANA SPHOTA HÙM

Vì khiến rất vui vẻ
Kết LIÊN HOA LINH ẤN (Padma-ghaṃṭa-mudra)
Nên đem hoa sen dâng
Thiền Trí (2 cái) vào trong chưởng
Tiến Lực (2 trỏ) như cái vòng



Tụng Bí Mật Ngũ này
Án - chỉ-nhạ ná bát đầu-ma, vĩ xã gia, Hồng
ॐ ज्ञानपद्म मन्त्रियं हुं
ॐ OM JÑANA PADMA AVI'SAYA HÙM

Tiếp, nên tụng LIÊN HOA BÁCH TỰ MẬT NGÔN dâng hiến vật khí Át Già (Argha). Đem nước thơm Uất Kim, Long Não, Bạch Đàn dâng lên cúng dường

Án - Bát đầu-ma tát đất phộc Tam ma gia ma nỗ bá la gia - Bát đầu-ma tát đất phộc diệt phế nộ bả để sát tra nật-lý trac mê bà phộc, Tổ số mê bà phộc - A nỗ lặc cật đồ mê bà phộc, Tổ bố số mê bà phộc, tát bà tát địa mê bát la duệ xa . Tát bà yết ma Tổ giả mê chỉ đa thất-lợi được củ lộ hồng - Ha Ha Ha Ha hô - Bà nga phạm, tát bà đất tha nghiệt đa - Bát đầu-ma Ma mê muộn giả, Bát đầu-mê bà phộc Ma ha Tam ma gia tát đất phộc, Hột-lý

ॐ पद्मसर्व सम्यक्सर्वदा पद्मसर्व वृक्षपतिष्ठ कृत्वा मन्त्रं सुग
ञ्च मन्त्रं सुपञ्च मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं
सुर्व मन्त्रं श्रीयं हुं ॐ कुरुकुरुकुरुः कुरुवं सर्वं कर्णगतं पद्मं म
सुर्व पद्मं सुर्व मन्त्रं सम्यं सर्वं ॐ

ॐ OM - PADMA SATVA SAMAYAM - ANUPÀLAYA - PADMA SATVA TVENA UPATIṢṬA - DRDHO MEBHAVA - SUTOṢYO MEBHAVA - ANURAKTO MEBHAVA - SUPOṢYA MEBHAVA - SARVA SIDDHI ME PRAYACHA_ SARVA KARMA SU CA ME CITTAM 'SRÌYAḤ KURU HÙM - HA HA HA HA HOḤ - BHAGAVAM - SARVA TATHÀGATA - PADMA MA ME MUṂCA PADMÌ BHAVA - MAHÀ SAMAYASATVA - HRÌH

Tiếp, dùng Nội Ngoại Cúng
Cúng dường LIÊN HOA VƯƠNG
Ấy là NỘI CÚNG DƯỜNG
Chưởng Phù Dung ngang tim
Thiền Trí (2 ngón cái) kèm duỗi thẳng

Tên là LIÊN HOA HỖ (Padma-rati)



Nên tụng Mật Ngôn này

Án – Chi-nha na bát đầu-ma la tế, Hồng

ॐ ॐ नमो नमो ॐ ॐ

ॐ OM JÑANA PADMA RATI HÙM

Tiếp, kết HOA MAN ẤN (Màle-mudra)

Dùng dây mà cúng dường

Chẳng đời HỖ ẤN trước

Hai tay dâng hướng trước



Tưởng mọi thứ BẢO MAN (Tràng hoa báu)

Trần khắp Hư không giới

Mật Ngôn là:

Án_ Chi-nha ná , bát đầu-ma, ma lệ hồng

ॐ ॐ नमो नमो ॐ ॐ

OM JÑANA-PADMA MÀLE HÙM

Tiếp nên dùng CA ẤN (Gìta-mudra)

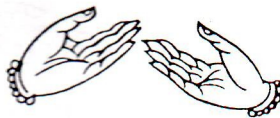
Phụng hiến Bạc TRÍ LIÊN (Jñana-padma)

Lại dùng Diệu Ấn trước

Co chưởng trụ các Độ (các ngón tay)

Từ rốn dần đến miệng

Buông xuống như viết chép



Tưởng âm Khẩn Na La (Kinnara)

Cúng dường các Thánh Giả

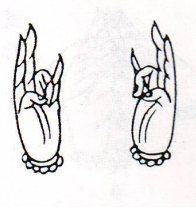
Mật Ngôn là:

Án – Chi-nha ná , bát đầu-ma nghê đế – Hồng”

ॐ ॐ नमो नमो नमो ॐ ॐ

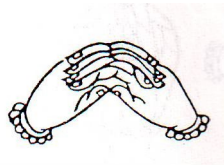
ॐ OM JÑANA-PADMA GÌTE HÙM

Tiếp, nên kết VŨ ẤN (Nṛtye-mudra)
 Ấn trước chuyển trái, phải
 Chắp Phù Dung điệu chưởng
 Đặt trên đỉnh đầu, buông



Do Bốn cúng dường đấng
 Hay được Đại Thần Thông
 Mật Ngôn là:
Ấn – Chỉ-nhạ ná, bát đầu-ma nễ-lật đế , Hồng
ॐ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ
 ॐ OM JÑANA-PADMA NṚTYE HÙM
 Tác **bốn cúng dường** này
 Hay thành việc tối thắng

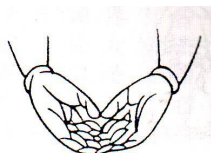
Tiếp, kết NGOẠI CÚNG DUỜNG
 Tâm vui vẻ dâng hiến
 Vận tâm không biên giới
LIÊN HOA PHẦN HƯƠNG (Padma-dhùpa) Pháp
 Chư Phật chân thành nói
 Vì lợi các Hữu tình
 Liên Chưởng hương xuống, buông
 Giống như thể đốt hương



Tụng Bí Mật Ngôn này
 Tưởng mây hương cúng dường
 Vòng khắp Hư không giới
 Cúng dường các Thánh chúng
Ấn – Bát đầu-ma chỉ-nhạ ná độ bế , ác
ॐ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ
 ॐ OM PADMA-JÑANA DHÙPE AH

Tiếp nên kết HOA ẤN (Puṣpa-mudra)
 Dùng ba mươi hai tướng
 Trang nghiêm các Như Lai
 Quán mây hoa diệu sắc
 Vận tâm tràn tất cả
 Như trước chắp **LIÊN CHUỜNG**

Trên rải như tán hoa



Với các **Thiền Thệ Tử**

Tưởng đầy Hư không giới

Mây hoa thơm phưng phức

Cây báu (kiếp thụ) rất trang nghiêm

Tụng Bí Diệu Ngôn này

Ba nghiệp đều vận dụng

Án – Bát đầu-ma chỉ-nhạ ná bổ sáp bế , Hồng

ॐ पद्म कुण्डल्य ह्रूं

ॐ OM - PADMA-JÑANA-PUṢPE HÙM

Vô minh che chúng sinh

Lìa ánh sáng Trí Tuệ

Vì làm Tĩnh Trừ ấy

Nên kết **TRÍ ĐĂNG ÁN** (Jñana-àloke-mudra)

Dùng Liên Hoa Chướng trước

Thiền Trí (2 ngón cái) cùng dựng nghiêng



Tâm tưởng đèn Ma Ni

Chiếu khắp Hư không giới

Tuôn vô lượng ánh sáng

Tụng Mật Ngôn là:

Án – Bát đầu-ma chỉ-nhạ ná, nễ bế

ॐ पद्म कुण्डल्य ह्रूं

ॐ OM PADMA-JÑANA ÀLOKE HÙM

Bậc Trí ! Tiếp nên kết

GIẢI THOÁT ĐỒ HƯƠNG ÁN (Mukti gandha-mudra)

Vì Tĩnh chúng sinh nên

Hiến hương **THI LA** ('Sila) này

Hai tay bung Liên chướng

Ngang tim, thế xoa hương



Mười ngón thành huân tập
 Biển hương tràn Hư không
 Hiến Phật và Sở Tôn
 Tụng Bí Mật Ngũ này
Án – Bát đầu-ma Chỉ-nhạ ná, hiến đề Hồng
 ॐ पद्म कुण्डल ॐ
 ॐ OM PADMA-JÑANA GANDHE HUM

Nội Ngoại cúng dường xong
 Sau đó nên thuận niệm
KẾT BÍ CĂN BẢN ẤN
ĐỐI TRƯỚC MẬT NGÔN CHỦ
 Trước, tụng Căn Bản Ngôn
 Bảy biến rõ ràng xong
 Đặt chưởng ngang với tim
 Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) như cánh sen
 Tiến Lực (2 ngón trỏ) dạng MA NI
 Các ngón khác như phượng



Tụng Căn Bản Mật Ngôn
 Nghĩ mãi nguyện Hữu tình
 Mật Ngôn là:

**Ná ma la đất ná đất la dạ dã – Ná mạc a lợi gia phộc lỗ chỉ đế thấp phộc
 la gia – Bồ địa tát đất phộc gia – Ma ha tát đất phộc gia – Ma ha ca lỗ nê ca
 gia – Đất diệt tha – Án chước ca la mật đề chân đa ma nê– Ma ha bát đầu mê
 – Lỗ lỗ đế sát trá – Nhập phộc la, A ca lý sái gia – Hồng phan tra tát-phộc ha**

ॐ नमो रत्नत्रये
 ॐ नमो अर्यावलोकेस्वर्या बोधिसत्वाय महासत्वाय महाकरुणिकाय
 नमो ॐ बुद्धाय ॐ महापादमे रुरु तिष्ठा ज्वाला अकारश्या हुं फट् स्वहा ॐ

ॐ NAMO RATNATRAYAYA

NAMAḤ ÀRYA AVALOKTE'SVARÀYA BODHISATVÀYA MAHÀ
 SATVÀYA - MAHÀ KÀRUNIKÀYA

TADYATHÀ: OM CAKRA VARTTI CINTÀMAṆI MAHÀ PADME
 RURU TIṢṬA JVALA AKARṢAYA HUM PHAT SVÀHÀ

Tiếp, kết TÂM BÍ MẬT
 Y Căn Bản Ấn trước
 Buộc Đàn Tuệ (2 ngón út) Giới Phương (2 ngón vô danh)

Tên là BẢN TÂM ẤN



Tất cả các ý nguyện
Ứng theo niệm của Tâm
Do kết Ấn này nên
Thảy đều được thành tựu
Mật Ngôn là:

Án – Bát đầu mê chân đá ma nê nhập phộc la Hồng

ॐ पद्म शङ्खमणि ज्वाला हुम्

ॐ OM - PADMA CINTĀMAṆI JVALA HŪM

Tiếp, kết TÙY TÂM ẤN

Hai tay buộc bền chắc
Tiến Lực (2 ngón trỏ) hình MA NI
Thiền Trí (2 ngón cái) kèm nhau duỗi
Giới Phương (2 vô danh) cũng duỗi thẳng
Đàn Tuê (2 ngón út) dựng chéo nhau



Tụng TÂM TRUNG TÂM này

Án phộc la ná bát đầu mê Hồng

ॐ वारद पद्मे हुम्

ॐ OM VARADA PADME HŪM

Tiếp, tướng trong miệng TÔN
Tuôn ra lời Bí Mật
Rõ ràng thành TỰ ĐẠO (Con đường đầy chữ)
Ngũ sắc quang chiếu diệu
Màu thù thắng xen kẽ
Vào trong miệng DU KỲ (Yogi _ Người tu Du Già)
Bày trong vành trăng tim
Trong như pha lê hồng
Mỗi mỗi suy tư kỹ
Thuận lý tùy giác ngộ
Trú định mà tu tập

Nhập vào A TỰ MÔN (𑖀)
Liên vào LUÂN TỰ QUÁN
Đều quán khắp các chữ
Đây tên TAM MUỘI NIỆM
Được Trí với giải thoát
Do sự tương ứng này
Chẳng lâu thành Chủng Trí

Nếu ngay tiếng thuận niệm
Tối thắng diệu kỳ đặc
Trụ ở BẢN TÔN QUÁN
Tâm chẳng nên nóng vội
Chẳng cao cũng chẳng thấp
Chẳng chậm cũng chẳng gấp
Bậc Trí lia phân biệt
Với các Tâm vọng tưởng
Nếu tụng Lạc Xoa Biến (100.000 biến)
Mong cầu đều Tất Địa (Siddhi _ Thành tựu)
Hai tay cầm tràng hạt
Pha Tri với hạt sen
Loa Châu với báu khác
Sáng đẹp không tỳ vết
Nên xuyên trăm lỗ tám
Mỗi hạt tụng bảy biến
TÂM với TÂM TRUNG TÂM
Với TỶ CÂU (Bhṛkūṭi) ĐA LA (Tàrà)
Tác Pháp này gia trì
Xỏ xâu **châu man** xong
Ngay tìm mỗi một độ
Cùng SA HA (Svàhà) tề thanh (Đồng âm thanh)
Một ngàn trăm tám biến
Tùy sức mà niệm tụng
Bốn thời hoặc ba thời
Pháp này sau đêm THẮNG
Trong Kinh NHƯ Ý LUÂN
BẢN GIÁO, Phật đã nói
Nếu tu tập như vậy
Đời này chứng SỞ ĐỊA
Qua mười sáu đời sau
Thành VÔ THƯỢNG BỒ ĐỀ
Hưởng chi THẾ TẤT ĐỊA (Loka-siddhi: thành tựu việc thế gian)
Đời này chẳng như ý

Tùy sức niệm tụng xong
Trùng kết TAM MUỘI ẤN
Lại làm Tám CÚNG DƯỜNG
Phát khiển Mật ngôn chủ
Hai tay buộc bên chắc
Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) hình cánh sen



Từ tim đến mắt, buông
Trên đỉnh hợp Hoa Chưởng



Tưởng TÔN trong Hư không
Lại đường đi về cung
Mật ngôn là:
Án – Bát đầu-ma tát đát-phộc, hột lý, mục
ॐ ५१५१ ११ ५:
ॐ OM PADMA SATVA HRÌH MUH

Phát Khiển Thánh Giả xong
Tự trú BẢN TÔN QUÁN
Hoặc ở nơi nhàn tĩnh
Chuyển đọc MA HA DIỄN (Mahà-yàna:Đại Thừa)
LĂNG GIÀ và HOA NGHIÊM
BÁT NHÃ với LÝ THỨ
Nhóm Kinh giáo như vậy
Suy tư rồi tu tập
Tụng đọc Kinh Điển xong
Tự ý đi, đứng, ngồi
Cho đến nơi ngủ nghỉ
Chẳng cách **Tâm Bồ Đề** (Bodhicitta)
Chẳng lâu sẽ thành tự
Kim Cương Tạng (Vajra-garbha) đã nói
Nghĩ quý Đại Bi này
Chẳng chịu ngày và Tú (tinh tú)

Thời, thực (ăn) và tắm gội
Hoặc Tĩnh hoặc Bất Tĩnh
Thường nên chẳng gián đoạn
Mau lìa sự tán loạn
Chẳng tính các chuyện đời
Niệm xong phát thệ nguyện
Kết TAM MUỘI GIA ẤN (Samaya-mudra)
Lễ Phật Bồ Tát xong
Tùy ý mà **kinh hành** (Caṅkramana)

Do đây tích phước nghiệp
Sức Bản Nguyện Giải thoát
Hay khiến các Hữu tình
Mau được NHẤT THIẾT TRÍ (Sarva-jñā)
Bốn câu Nguyện trên đây
Kim Cương nghi quỹ thuật
Vì lợi cho chúng sinh
Nay Ta đồng kết tập

QUÁN TỰ TẠI NHƯ Ý LUÂN BỒ TÁT DU GIÀ PHÁP YẾU (Hết)

Hiệu chỉnh xong vào ngày 24/06/2011